

Số: 193/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy
cho sinh viên khóa cũ thi lại

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy”;

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-LTT ngày 02 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên bậc Cao đẳng năm học 2015-2016;

Căn cứ biên bản buổi họp xét tốt nghiệp cao đẳng ngày 08 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên bậc Cao đẳng năm học 2015-2016;

Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo - Giới thiệu việc làm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy cho 86 sinh viên các khóa (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đã nộp chứng chỉ Tin học và tiếng Anh theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / 20

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT-GTVL.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

**DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHÓA ĐỦ ĐIỀU KIỆN
CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY**
Kỳ thi tháng 01 năm 2016

(Kèm theo Quyết định số 193 /QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 3 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Nữ	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT TOÀN KHÓA	XẾP LOẠI TN
1	10D0020079	Hoàng Liên Sơn	10CĐ-CK1		24/01/1991	Quảng Bình	5.84	TB
2	10D0050043	Nguyễn An Thái	10CĐ-TM1		19/12/1992	An Giang	5.78	TB
3	09D0040078	Lâm Xuân Thuận	10CĐ-TP2		12/02/1991	Hà Tĩnh	5.75	TB
4	11D0020006	Phan Văn Cao	11CĐ-CK1		24/7/1991	Quảng Ngãi	6.16	TB Khá
5	11D0020224	Lê Văn Sang	11CĐ-CK3		15/10/1992	Long An	5.91	TB
6	11D0020302	Vòng Huỳnh Ngọc Thoại	11CĐ-CK4		08/01/1993	Đồng Nai	5.93	TB
7	11D0060139	Nguyễn Thanh Nhân	11CĐ-ĐT2		12/12/1992	Tp. Hồ Chí Minh	5.99	TB
8	11D0060167	Đặng Ngọc Thanh	11CĐ-ĐT2		20/4/1992	Sông Bé	6.08	TB Khá
9	11D0060130	Ngô Văn Thanh	11CĐ-ĐT2		05/5/1989	Nghệ An	6.46	TB Khá
10	11D0070013	Nguyễn Hữu Nam	11CĐ-NL1		27/8/1991	Tp. Hồ Chí Minh	6.20	TB Khá
11	11D0030401	Phan Chánh Tín	11CĐ-Ô4		10/5/1993	Tiền Giang	6.10	TB Khá
12	11D0030217	Nguyễn Thành Đại	11CĐ-Ô5		04/7/1993	Bình Thuận	6.14	TB Khá
13	11D0030452	Nguyễn Minh Siêu	11CĐ-Ô5		20/12/1992	Nghệ An	5.95	TB
14	11D0030233	Hồ Quang Hiền	11CĐ-Ô6		30/5/1993	Bến Tre	5.97	TB
15	11D0050177	Nguyễn Văn Thơm	11CĐ-TM1		05/5/1990	Sông Bé	5.98	TB
16	11D0050071	Nguyễn Thành Tư	11CĐ-TM1		07/11/1993	Tp. Hồ Chí Minh	6.06	TB Khá
17	11D0050161	Trần Việt	11CĐ-TM1		07/4/1993	Quảng Ngãi	5.99	TB
18	11D0050157	Trần Công Việt	11CĐ-TM1		05/10/1993	Đồng Nai	5.68	TB
19	11D0040003	Phan Lê Tuấn Anh	11CĐ-TP1		12/11/1993	Tp. Hồ Chí Minh	5.97	TB
20	11D0040157	Phạm Văn Ngát	11CĐ-TP3		02/02/1993	Tây Ninh	5.89	TB
21	12D2010029	Phạm Quang Đăng	12CĐ-CK1		02/02/1994	Minh Hải	5.93	TB
22	12D2010033	Võ Ngọc Đạt	12CĐ-CK1		03/02/1994	Khánh Hòa	6.01	TB Khá
23	12D2010140	Nguyễn Văn Tân	12CĐ-CK1		11/9/1993	Lâm Đồng	6.35	TB Khá
24	12D2010178	Nguyễn Quốc Trọng	12CĐ-CK1		29/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	5.88	TB
25	12D2010179	Nguyễn Quốc Trung	12CĐ-CK1		24/9/1993	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.01	TB Khá
26	12D2010086	Phan Vũ Linh	12CĐ-CK2		5/1994	Long An	6.48	TB Khá

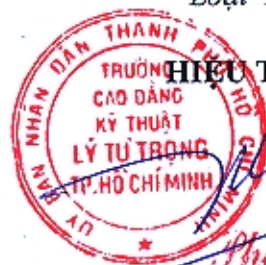
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	Nữ	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT TOÀN KHÓA	XẾP LOẠI TN
27	12D2010114	Nguyễn Hoài	Phúc	12CD-CK2		30/10/1994	Đồng Tháp	5.99	TB
28	12D2010180	Nguyễn Thành	Trung	12CD-CK2		03/01/1994	Tiền Giang	6.12	TB Khá
29	12D2010184	Nguyễn Đắc	Truyền	12CD-CK2		18/5/1994	Quảng Ngãi	5.96	TB
30	12D2010196	Dương Lý	Vương	12CD-CK2		08/3/1993	Ninh Thuận	6.02	TB Khá
31	12D2010027	Bùi Châu Duy	Đăng	12CD-CK3		17/8/1993	Tiền Giang	6.23	TB Khá
32	12D2010059	Huỳnh Trung	Hiếu	12CD-CK3		17/6/1994	Tp. Hồ Chí Minh	6.95	TB Khá
33	12D2010095	Hoàng Văn	Lục	12CD-CK3		28/9/1994	Nghệ An	6.52	TB Khá
34	12D2010115	Bùi Thiên	Phước	12CD-CK3		20/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	5.98	TB
35	12D2010166	Nguyễn Chí	Thinh	12CD-CK3		26/4/1994	Bình Định	5.99	TB
36	12D301Đ006	Đào Trọng Thiên	Ân	12CD-Đ1		21/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	6.01	TB Khá
37	12D301Đ013	Đỗ Ngọc	Chung	12CD-Đ1		20/4/1991	Thanh Hóa	6.14	TB Khá
38	12D301Đ070	Vũ Anh	Huy	12CD-Đ1		16/5/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.90	TB Khá
39	12D301Đ079	Nguyễn Minh	Luân	12CD-Đ1		10/6/1994	Tây Ninh	6.12	TB Khá
40	11D0010306	Bùi Tấn	Tài	12CD-Đ1		01/3/1993	Bình Định	6.01	TB Khá
41	11D0010265	Lê Trần Quốc	Tuấn	12CD-Đ1		01/4/1993	Sông Bé	5.86	TB
42	12D301Đ016	Nguyễn Cao	Cường	12CD-Đ2		02/01/1994	Quảng Bình	6.35	TB Khá
43	11D0010153	Lê Trung	Kiên	12CD-Đ2		23/9/1993	Long An	6.05	TB Khá
44	12D301Đ083	Trần Kim	Minh	12CD-Đ2		19/8/1994	Bình Thuận	6.15	TB KHÁ
45	12D301Đ096	Huỳnh Hữu	Nhất	12CD-Đ2		19/7/1994	Bình Định	5.99	TB
46	12D301Đ095	Tạ Thiện	Nhân	12CD-Đ2		12/12/1994	Tiền Giang	5.85	TB
47	12D301Đ099	Nguyễn Xuân	Nỡ	12CD-Đ2		15/02/1993	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.38	TB Khá
48	12D301Đ114	Nguyễn Thanh	Quyền	12CD-Đ2		18/11/1994	Bình Thuận	6.03	TB Khá
49	11D0010078	Huỳnh Anh	Tuấn	12CD-Đ2		16/4/1993	Long An	5.86	TB
50	12D3010057	Hoàng Trường	Khanh	12CD-ĐT1		19/02/1994	Đồng Nai	6.24	TB Khá
51	12D3010089	Tô Tấn	Phát	12CD-ĐT1		19/8/1994	Bình Định	7.41	Khá
52	12D3010128	Phạm Văn	Thái	12CD-ĐT1		09/6/1993	Kiên Giang	6.02	TB Khá
53	12D3010157	Nguyễn Trung	Trực	12CD-ĐT1		02/11/1994	Đồng Tháp	6.41	TB Khá
54	11D0060083	Nguyễn Chí	Công	12CD-ĐT2		14/7/1993	Sông Bé	6.08	TB Khá
55	12D3010031	Nguyễn Khắc	Điệp	12CD-ĐT2		10/10/1994	Tây Ninh	6.45	TB Khá
56	12D3010036	Lê Công	Guim	12CD-ĐT2		10/7/1994	Thừa Thiên-Huế	6.63	TB Khá
57	12D3010091	Mong Hoàng	Phong	12CD-ĐT2		05/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	6.16	TB Khá
58	12D3010119	Trần Ngọc Anh	Tâm	12CD-ĐT2		24/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	5.98	TB
59	12D3010163	Phạm Văn	Truyền	12CD-ĐT2		27/5/1994	Sóc Trăng	5.94	TB
60	12D2040034	Phan Thị Hà	Giang	12CD-M	x	22/4/1994	Ninh Thuận	7.44	Khá

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Nữ	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT TOÀN KHÓA	XẾP LOẠI TN
61	11D0070037	Nguyễn Ngọc Hải	12CĐ-NL1		16/4/1993	Quảng Ngãi	5.79	TB
62	12D2060046	Đỗ Hoàng Nam	12CĐ-NL1		15/8/1994	Long An	5.92	TB
63	12D2060052	Trình Hồng Phúc	12CĐ-NL1		09/5/1993	Tp. Hồ Chí Minh	6.12	TB Khá
64	12D2060060	Trần Thanh Sang	12CĐ-NL1		02/6/1994	Long An	6.13	TB Khá
65	12D2060066	Nguyễn Minh Thành	12CĐ-NL1		26/4/1991	Đồng Nai	6.40	TB Khá
66	12D2050021	Nguyễn Văn Hào	12CĐ-Ô1		10/4/1993	Gia Lai	6.01	TB Khá
67	12D2050023	Nguyễn Văn Hiền	12CĐ-Ô1		08/9/1994	Ninh Thuận	7.21	Khá
68	12D2050062	Trần Văn Tân	12CĐ-Ô1		05/3/1993	Thừa Thiên-Huế	6.13	TB Khá
69	12D2050073	Mai Ngọc Thuận	12CĐ-Ô1		20/7/1994	Bình Thuận	6.55	TB Khá
70	12D2050080	Nguyễn Thành Toàn	12CĐ-Ô1		19/02/1994	Ninh Thuận	6.86	TB Khá
71	11D0030016	Lê Tiến Dũng	12CĐ-Ô2		22/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	6.28	TB Khá
72	12D2050039	Nguyễn Thế Lâm	12CĐ-Ô2		21/02/1994	Tây Ninh	6.11	TB Khá
73	12D2050043	Lê Minh Luân	12CĐ-Ô2		31/8/1994	Tây Ninh	6.64	TB Khá
74	11D0030323	Nguyễn Long Phi	12CĐ-Ô2		21/9/1992	An Giang	5.83	TB
75	12D2050063	Trần Văn Thái	12CĐ-Ô2		07/4/1994	Bình Định	6.66	TB Khá
76	11D0050002	Trần Thái Bảo	12CĐ-TM1		06/6/1993	Nghệ An	5.75	TB
77	12D201M011	Nguyễn Duy Dương	12CĐ-TM1		29/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	5.83	TB
78	12D201M034	Trần Văn Nam	12CĐ-TM1		21/5/1993	Tp. Hồ Chí Minh	5.95	TB
79	12D201M045	Đinh Hoàng Phúc	12CĐ-TM1		07/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	5.71	TB
80	12D201M046	Bùi Vạn Phước	12CĐ-TM1		04/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	5.91	TB
81	11D0050147	La Minh Quốc Trường	12CĐ-TM1		07/6/1993	Tp. Hồ Chí Minh	5.61	TB
82	12D201M070	Nguyễn Thành Tú	12CĐ-TM1		17/3/1994	Tây Ninh	5.75	TB
83	12D201P012	Trần Hùng Cường	12CĐ-TP1		12/8/1993	Tp. Hồ Chí Minh	6.11	TB Khá
84	12D201P032	Nguyễn Triết Huy	12CĐ-TP1		04/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	6.01	TB Khá
85	12D201P054	Đặng Minh Quang	12CĐ-TP1		20/11/1991	Ninh Thuận	5.83	TB
86	11D0040082	Nguyễn Lương Minh Toàn	12CĐ-TP1		21/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	6.07	TB Khá

Tổng cộng danh sách có 86 sinh viên.

Trong đó:

* Loại Khá : 03 SV 3.49 %
 * Loại TB Khá : 47 SV 54.65 %
 * Loại TB : 36 SV 41.86 %



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

TRƯỞNG P.TS-ĐT-GTVL

Nguyễn Văn Tân